BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Số: 1644 /TĐC - HCHQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2021

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Công ty Cổ phần Kiểm nghiệm thực phẩm và môi trường NAVITEK

Địa chỉ: Lô F4, tòa nhà Vạn Đạt, số 12 đường CN 8, Khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 0913.961.304

Email: navitekcorp@gmail.com

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: ***Hóa học và Sinh học*** *(đối với các sản phẩm, hàng hóa trong Phụ lục danh mục kèm theo).*

2. Số đăng ký: **595/TN - TĐC**.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Công ty CP Kiểm nghiệm thực phẩm và môi trường NAVITEK;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Lưu: VT, HCHQ.

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Linh

Phụ lục

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số: 1644/TĐC - HCHQ ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

STT	Sản phẩm, hàng hóa	Phép thử	Phương pháp thử
I. Lĩnh vực Hóa học			
1.	**Nước uống, nước sinh hoạt, nước mặt, nước dưới đất**	Xác định hàm lượng Amoni Phương pháp sắc ký ion (IC)	TCVN 6660:2000
		Xác định hàm lượng các Anion - Phương pháp IC	US EPA Method 300.1
		Xác định nitrit - Phương pháp trắc phổ hấp thụ phân tử	TCVN 6178:1996
		Xác định nitrat - Phương pháp khử cadmi	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2017
		Xác định xyanua - Phương pháp chưng cất và so màu	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2017
2.	**Nước uống, nước sinh hoạt, nước dưới đất**	Xác định độ cứng - Phương pháp chuẩn độ EDTA	SMEWW 2340B:2017
		Xác định chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996
		Xác định mùi	SMEWW 2150B:2017
		Xác định vị	SMEWW 2160B:2017

3.	**Nước uống, nước sinh hoạt, nước mặt, nước dưới đất, nước thải**	Xác định hàm lượng tổng chất rắn hòa tan (TDS	SMEWW 2540C:2017
4.		Xác định độ pH	TCVN 6492:2011
		Xác định độ đục	SMEWW 2130B:2017
		Kiểm tra và xác định độ màu	SMEWW 2120C:2017
		Xác định hàm lượng Photpho Phương pháp UV-VIS	TCVN 6202:2008
		Xác định hàm lượng Nitơ	TCVN 6638:2000
		Xác định hàm lượng H_2S Phương pháp	SMEWW 4500-S^{2-} C&D:2017
		Xác định phenol bằng phương pháp so màu	SMEWW 5530B&C:2017
5.	**Nước uống, nước sinh hoạt, nước đá và nước thải**	Xác định clo dư tự do và tổng clo - Phương pháp trắc quang sử dụng N,N-dietyl-1,4-phenylenediamin	TCVN 6225-2:2012
6.	**Nước uống, nước sinh hoạt, nước khoáng, nước đóng chai, nước dưới đất, nước mặt và nước thải**	Xác định hàm lượng kim loại Ca, Cu, Fe, K, Na, Mg, Mn, Zn - Phương pháp AAS.	SMEWW 3111B:2017
		Xác định hàm lượng kim loại Al, Ba - Phương pháp AAS	SMEWW 3111D:2017
		Xác định hàm lượng kim loại Hg - Phương pháp AAS	SMEWW 3112B:2017
		Xác định hàm lượng kim loại As - Phương pháp AAS	SMEWW 3114C:2017

		Xác định hàm lượng kim loại Cd, Co, Cr, Ni, Mo, Pb, Sb, Se, Sn - Phương pháp AAS.	SMEWW 3113B:2017
		Xác định Borat - Phương pháp đo phổ dùng azometin-H	TCVN 6635:2000
		Xác định các chất hoạt động bề mặt anion - Phương pháp đo chỉ số Metylen xanh (MBAS)	TCVN 6622-1:2009
7.	**Nước uống, nước mặt, nước dưới đất**	Xác định hàm lượng oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016
8.	**Nước mặt, nước thải**	Xác định nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2017
		Xác định nhu cầu oxy sinh hóa BOD_5	TCVN 6001-1:2008
9.	**Nước uống, nước sinh hoạt, nước đóng chai, nước dưới đất, nước mặt và nước thải**	Xác định nhóm Alkan clo hóa phương pháp GC/MS Purge & Trap	US EPA Method 524.2 - Revision 4.1, 1995
		Xác định nhóm Hydrocacbon thơm - Phương pháp GC/MS Purge & Trap	US EPA Method 524.2 - Revision 4.1, 1995
		Xác định phenol và dẫn xuất – Phương pháp GC/MS SPE	US EPA Method 8270E - Revision 6, 2018
		Xác định nhóm Benzene Clo hóa - Phương pháp GC/MS Purge & Trap	US EPA Method 524.2 - Revision 4.1, 1995
		Xác định Hexacloro butadiene - Phương pháp GC/MS Purge & Trap	US EPA Method 524.2 - Revision 4.1, 1995
10.	**Nước uống, nước sinh hoạt, thực phẩm**	Xác định Acrylamide - Phương pháp GC/MS SPE	US EPA Method 8270E - Revision 6, 2018

11.	**Nước uống, nước sinh hoạt, nước đóng chai, nước dưới đất, nước mặt và nước thải**	Xác định hóa chất bảo vệ thực vật Alachlor, Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine, Clorotoluron, Chlorpyrifos, Cyanazine, lsoproturon, Isoproturon, Methoxychlor, Molinate, Simazine, Trifuralin, DDT, Chlorfane, Simazine - Phương pháp GC/MS	US EPA Method 525.3 - Version 1.0, February 2012
		Xác định Bromoform, Chloroform - Phương pháp GC/MS Purge & Trap	US EPA Method 501.3:1996
		Xác định Bromodiclorometan, Dibromoaxetonitril, Dicloroaxetonitril, Tricloroaxetonitril - Phương pháp GC/MS	US EPA Method 551.1 - Revision 1.0, 1995
12.	**Thực phẩm, thực phẩm chức năng**	Xác định hàm lượng Na, K, Ca, Mg, Fe, Cu, Zn, Mn - Phương pháp AAS	AOAC 985.35
13.	**Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản và nguyên liệu**	Xác định Pb, Cd, Cu, Zn Phương pháp AAS	AOAC 999.10
		Xác định Hg - Phương pháp AAS	AOAC 971.21
		Xác định As Phương pháp AAS-Kỹ thuật hydrua	AOAC 986.15
14.	**Thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thuỷ sản**	Xác định hàm lượng PCB (PCB-28, PCB-52, PCB-101, PCB-138, PCB-153, PCB-180) Phương pháp GC/MS	US EPA Method 8270E - Revision 6, 2018

15.	**Rau, củ, quả, thực phẩm**	Xác định Aldicard, Aldrine, Dieldrine, Chlordane, Chlorpyrifos, Cyanazine, Isoproturon, Methoxychlor, Molinate, Simazine, Trifuralin, DDT, Chlorfane, Simazine. Phương pháp GC/MS	AOAC 2007.01
16.	**Thực phẩm**	Xác định hàm lượng Nitrat. Phương pháp sắc ký ion	TCVN 8160-4:2009
II. Lĩnh vực Sinh học			
17.	**Nước mặt, nước dưới đất, nước thải**	Phát hiện và định lượng Coliform, *E.Coli*. Phương pháp lọc màng.	TCVN 6187-1:2019
		Phát hiện và đếm vi khuẩn Coliforms, *fecal coliforms* và *E.coli*. Phương pháp MPN.	TCVN 6187-2:1996
18.	**Nước uống, nước sinh hoạt, nước khoáng, nước đóng chai, nước đá, nước bể bơi**	Phát hiện và định lượng Coliform, *E.Coli* hoặc Coliform chịu nhiệt. Phương pháp lọc màng.	TCVN 6187-1:2019
		Phát hiện và định lượng tụ cầu vàng (*Staphylococcus aureus*). Phương pháp lọc màng.	SMEWW 9213B:2017
		Phát hiện và đếm vi khuẩn *Streptococci feacal*	ISO 7899-2:2000
		Phát hiện và định lượng trực khuẩn mủ xanh (*Ps. Aeruginosa*). Phương pháp lọc màng.	BS EN ISO 16266:2008
		Phát hiện và Định lượng số bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sunphit (*Clostridia*) Phương pháp màng lọc	TCVN 6191-2:1996 (ISO 6461-2:1986)

19.	**Thực phẩm, thực phẩm chức năng, bề mặt tiếp xúc trong môi trường chuỗi thực phẩm**	Định lượng *E.coli*	ISO 16649-2: 2001
		Phát hiện và định lượng E.coli	ISO 16649-3:2015
		Phát hiện Salmonella spp.	ISO 6579-1:2017
		Phát hiện Salmonella spp. Kỹ thuật Realtime PCR	VS03-TP-Salmonella
		Định lượng số bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sunphit (*Clostridium perfringens)*	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
20.	**Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản và nguyên liệu**	Phát hiện và định lượng *E.coli*	ISO 16649-3: 2015
		Phát hiện Salmonella spp. Kỹ thuật Realtime PCR	VS02-TĂCN-Salmonella
		Định lượng số bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sunphit (*Clostridium perfringens*)	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
		Định lượng *Bacillus spp.*	BS EN 15784: 2009
21.	**Không khí phòng mổ, phòng sạch và bề mặt**	Xác định tổng số vi sinh vật hiếu khí. Phương pháp đếm đĩa	TCVN 8129:2019 TCVN 11039-1:2015
		Định lượng tổng số nấm. Phương pháp đếm đĩa	TCVN 8129:2019 TCVN 11039-8:2015
		Phát hiện và định lượng tụ cầu vàng (*Staphylococcus aureus*)	TCVN 8129:2019 SMEWW 9213B:2017

		Phát hiện và định lượng trực khuẩn mủ xanh (*Ps. Aeruginosa*)	TCVN 8129:2019 BS EN ISO 16266:2008

Chú thích:

- US EPA: United States Environmental Protection Agency.
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater.
- AOAC: Association of Official Analytical Chemists.
- BS EN ISO xxx: British Stadards Institue.
- VS xx-TP: Tiêu chuẩn nội bộ của Công ty NAVITEK.